TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM XUYÊN** **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2021
V/v xin ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM XUYÊN, TỈNH HÀ TĨNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hoàng
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Luân
Ông Bùi Quang Huân

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Diệu Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT: Thôn Vinh L, xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện trú tại: Khu phố 11, phường Tân P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Lê Quang Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt)
Trú tại: Thôn Vinh L, xã Cẩm L, huyện Cẩm X, tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Trương Thị T và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, vụ án có nội dung: Chị Trương Thị T và anh Lê Quang Đ đăng ký kết hôn tại UBND xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh ngày 09/8/2010, hôn nhân tự nguyện, tự do tìm hiểu, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn. Lý do mâu Tẫn là do tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm, anh Đ thường xuyên chửi bới, xúc phạm và coi thường chị. Chị và anh Đ sống ly thân từ năm 2012 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Lê Quang Đ.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Trương Thị T và anh Lê Quang Đ có 01 con chung là Lê Thủy T, sinh ngày 14/8/2009. Theo chị T, chị và anh Đ sống chung với nhau có con chung rồi sau đó chị và anh Đ mới đăng ký kết hôn. Nguyện

vọng của chị sau khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng không có tài sản chung; không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Lê Quang Đ biết việc chị Trương Thị T làm đơn ly hôn và Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên đang giải quyết vụ án. Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh Đ để làm việc, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ đều không có mặt, không có lý do. Tòa án đã đến trực tiếp đến tại nơi cư trú nhưng anh đã cố tình trốn tránh, không hợp tác làm việc.

Tại biên bản làm việc do UBND xã Cẩm L, huyện Cẩm Xuyên lập ngày 23/4/2021 phản ánh: Đại diện UBND xã và thôn trưởng thôn Vinh L đã đến trực tiếp tại nhà anh Lê Quang Đ giao giấy triệu tập và giao Thông báo Thụ lý vụ án số 45/2021/TB-TA ngày 12/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên nhưng anh Đ từ chối không nhận với lý do: anh và chị Trương Thị T đã sống ly thân từ nhiều năm nay, vợ chồng không liên lạc với nhau nên chị T muốn ly hôn thì cứ giải quyết theo quy Đ của pháp luật, từ khi ly thân đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con. Mặc dù người giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý đã đọc rõ nội dung các văn bản này và giải thích cho anh Đ được biết nhưng anh vẫn cương quyết không nhận, không có đề nghị hay nguyện vọng gì.

Qúa trình giải quyết vụ án, ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị K (là bố mẹ đẻ của anh Lê Quang Đ) cung cấp (tại biên bản làm việc ngày 26/4/2021): Anh Đ đã biết việc Tòa án đang giải quyết ly hôn giữa anh và chị Trương Thị T, nguyên nhân anh Đ không hợp tác làm việc với Tòa án là do anh Đ theo Thiên chúa giáo, luật của giáo hội không cho phép vợ chồng được ly hôn, việc chị T xin ly hôn thì cứ giải quyết theo quy Đ của pháp luật. Cũng theo ông T và bà K cung cấp thì sau khi kết hôn anh Đ và chị T sống hạnh phúc được một thời gian, từ khoảng năm 2012 đến nay vợ chồng ly thân, trong quá trình sống chung chị T và anh Đ có một con là Lê Thủy T, sinh ngày 14/8/2009, từ khi vợ chồng thân thì cháu T ở cùng với mẹ; chị T và anh Đ không có tài sản chung, không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Xuyên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo tố tụng của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tại phiên tòa các thành viên Hội đồng xét xử có mặt đầy đủ, không có trường hợp phải thay đổi người tiến hành tố tụng; Quá trình xét xử đã tuân theo đúng quy Đ của phiên tòa dân sự sơ thẩm nên không yêu cầu khắc phục vi phạm về thủ tục tố tụng; Tòa án đã tiến hành tống đạt, T thập tài liệu, chứng cứ đảm bảo theo quy Đ của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt nhưng nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, việc xét xử vắng mặt các đương sự là đảm bảo theo quy Đ tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có tại vụ án, nhận thấy mâu Tẫn giữa chị Trương Thị T và anh Lê Quang Đ đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn

nhân không đạt được, tình cảm không còn, không tìm cách hàn gắn tình cảm. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lê Quang Đ; Về con chung: Giao cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thủy T, sinh ngày 14/8/2009 đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Lê Quang Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản; Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1]Về thẩm quyền: Chị Trương Thị T khởi kiện xin ly hôn với anh Lê Quang Đ, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình quy Đ tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; anh Lê Quang Đ có nơi đăng ký HKTT và chổ ở hiện nay là thôn Vinh L, xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh nên vụ án Tộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh theo quy Đ tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do hiện nơi cư trú của chị tình hình diễn biến dịch COVID-19 phức tạp, việc đi ra khỏi địa bàn khó khăn do đảm bảo công tác phòng chống dịch; Qúa trình giải quyết vụ án anh Lê Quang Đ không có mặt để làm việc theo triệu tập; sau khi đưa vụ án ra xét xử, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy Đ tại Khoản 1, 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1]Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trương Thị T và anh Lê Quang Đ đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn ngày 09/8/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Cẩm L, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy Đ về điều kiện kết hôn của Luật hôn nhân và gia đình thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu Tẫn, theo chị T nguyên nhân mâu Tẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, anh Đ chửi bới, xúc phạm, coi thường chị. Từ năm 2012 đến nay vợ chồng sống ly thân, không liên lạc với nhau, hai vợ chồng không tìm cách hàn gắn tình cảm. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị có nguyện vọng được ly hôn, giải phóng cho hai người để mỗi người có cuộc sống riêng, tốt đẹp hơn.

Qúa trình giải quyết vụ án anh Lê Quang Đ cũng cho rằng vợ chồng đã sống ly thân từ lâu, không liên lạc gì với nhau nên việc chị T xin ly hôn thì cứ giải quyết theo

quy Đ của pháp luật, anh Đ biết việc chị T xin ly hôn nhưng không đưa ra ý kiến nguyện vọng gì, không tìm cách hàn gắn tình cảm.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, vợ chồng thương yêu, tôn trọng, quan tâm, giúp đỡ lẫn nhau…nhưng hôn nhân giữa chịTrương Thị T và anh Lê Quang Đ không đạt được mục đích đó, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không ai tìm cách hàn gắn tình cảm, mâu Tẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều 51 Luật Hôn nhân gia đình quy Đ: "*Vợ, chồng hoặc cả hai người có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn"*. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Trương Thị T, xử cho chị được ly hôn với anh Lê Quang Đ.

[2.2]Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Lê Quang Đ có một con chung là Lê Thủy T, sinh ngày 14/8/2009. Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn muốn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Đ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, quá trình giải quyết chị T đã cung cấp các tài liệu chứng minh về điều kiện nuôi con của mình. Anh Đ biết việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con nhưng anh không có nguyện vọng hay ý kiến gì về việc nuôi con. Mặt khác, từ năm 2012 đến nay chị T là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con, nay con đã trên 07 tuổi và có đơn nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con Lê Thủy T cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Đ không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[2.3]Về tài sản chung của vợ chồng: Nguyên đơn trình bày trong quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai và không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu giải quyết; bị đơn không có ý kiến gì về việc giải quyết tài sản chung, nợ chung vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo luật Đ.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT Đ:

1. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1, 2 Điều 227, Khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 53, Khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 1 điều 24, Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị T, tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T được ly hôn với anh Lê Quang Đ.

- Về con chung: Giao con Lê Thủy T, sinh ngày 14/8/2009 cho chị Trương Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh Lê Quang Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

2. Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Xuyên theo biên lai T tiền số 0005738 ngày 12/4/2021. Tiền án phí ly hôn sơ thẩm chị Trương Thị T đã nộp đủ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Cẩm Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Cẩm xuyên;
- UBND xã Cẩm L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Hoàng